TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 367/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2024.
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 346/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 446/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 283/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Anh **Đinh Ngọc T**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2.*Bị đơn*: Chị **Triệu Thị T1**, sinh năm 1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Đinh Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Triệu Thị T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc

đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T1 đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), vợ chồng ít có sự liên lạc, quan tâm đến nhau dẫn đến việc nghi ngờ nhau. Từ đó tình cảm lạnh nhạt, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Gia đình hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị T1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T1 không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của ông Triệu Văn L (bố đẻ của chị T1) thể hiện: Hiện nay chị T1 đang lao động ở Đài Loan (Trung Quốc) và vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Trước khi chị T1 đi lao động nước ngoài, chị T1 vẫn sinh sống tại gia đình anh T. Các văn bản tố tụng của Tòa án ông đã thông báo cho chị T1 biết, chị T1 không gửi quan điểm thể hiện bằng văn bản nhưng trao đổi qua điện thoại, chị T1 có quan điểm đồng ý ly hôn anh T, về con chung, tài sản chung không có nên không đề nghị giải quyết. Chị T1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: A và chị T1 kết hôn hợp pháp và có đăng ký tại địa phương. Sau khi kết hôn chị T1 đi lao động tại nước ngoài còn anh T ở Việt Nam. Do anh T và chị T1 mỗi người một nơi, không có sự chia sẻ với nhau dẫn đến vợ chồng nghi ngờ, mâu thuẫn. Nay anh T có đơn ly hôn chị T1, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn chị T1 vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho anh Đinh Ngọc T được ly hôn chị Triệu Thị T1; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh Tú phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Đinh Ngọc T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị Triệu Thị T1. Chị T1 hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật

Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và gia đình ông L không cung cấp được địa chỉ của chị T1 ở nước ngoài. Ông L xác định: Các văn bản tố tụng của Tòa án ông đã thông báo cho chị T1 biết, chị T1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, chị T1 theo quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Ngọc T và chị Triệu Thị T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/3/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mỗi người một nơi, không có sự quan tâm, chia sẻ tình cảm, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau. Từ đó tình cảm lạnh nhạt và không còn quan tâm tới nhau. Gia đình hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị T1 không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được và được chứng minh bằng lời khai của các đương sự, gia đình và địa phương nơi các đương sự cư trú. Do vậy, cần giải quyết cho anh T được ly hôn chị T1 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Tú và chị T1 không có nên không đề nghị giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Tú là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Đinh Ngọc T** ly hôn chị **Triệu Thị T1.**

2. Về án phí: Anh Đinh Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba

trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000817 ngày 26/6/2024.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Đinh Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, chị Triệu Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày. Thời gian kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hồng Phong, huyện Nam Sách (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân